

# THANH TOÁN QUỐC TẾ

**Phạm Ngọc Dưỡng**  
**PhD, MBA, BE, BA**

*TS. Phạm Ngọc Dưỡng*

1

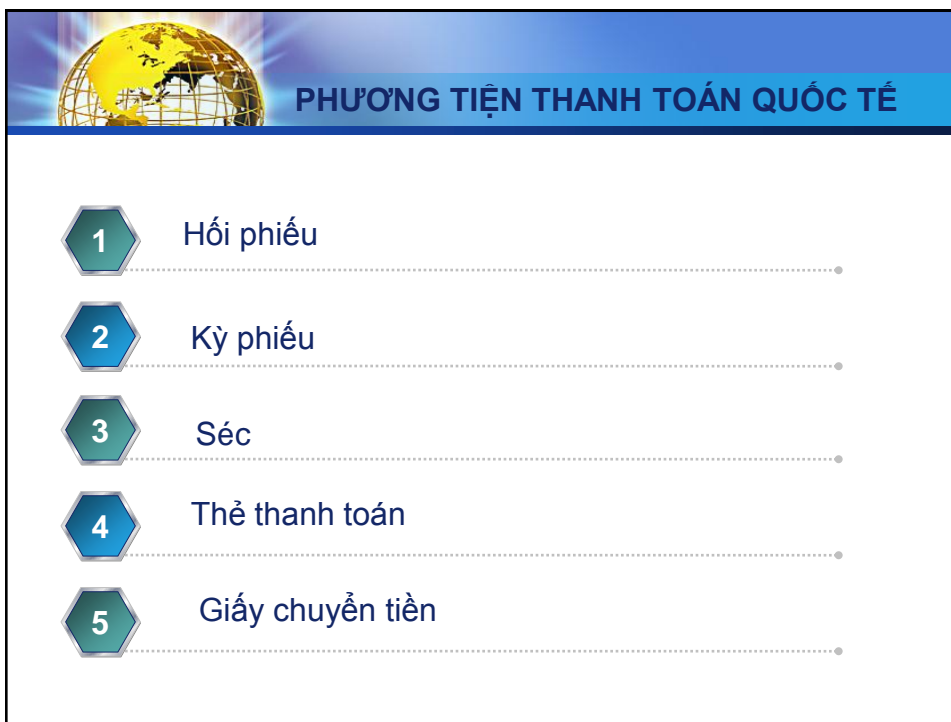
# PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ

## MỤC TIÊU

- Đọc hiểu, phân biệt và biết cách sử dụng tất cả các loại phương tiện thanh toán quốc tế phù hợp với từng tình huống cụ thể
- Sinh viên có thể phát hành một hối phiếu theo đúng quy định và tập quán quốc tế

## NỘI DUNG

- Giới thiệu chung về các loại phương tiện TTQT
- Hối phiếu (Draft/Bill of Exchange)
- Lệnh phiếu (kỳ phiếu)- Promissory note
- Séc (Cheque)
- Thẻ thanh toán (Plastic card)
- Giấy chuyển tiền





## 3.1. HỒI PHIẾU

### 3.1.1. Khái niệm

*Hối phiếu là một tờ mệnh lệnh yêu cầu trả tiền vô điều kiện, do một người ký phát cho người khác, yêu cầu người này:*

- *Khi nhìn thấy phiếu hoặc*
- *Đến một ngày cụ thể trong tương lai hoặc*
- *Tại một ngày có thể xác định được trong tương lai*

*Phải trả một số tiền nhất định cho một người nào đó, hoặc theo lệnh của người này trả cho một người khác hoặc trả cho người cầm phiếu*

*Theo: Nguyễn Văn Tiến, 2009*

### ☐ Đặc điểm của Hối phiếu

#### ❖ Tính trừu tượng


- Nguyên nhân (không ghi quan hệ tín dụng)
- Nghĩa vụ trả tiền (không phụ thuộc vào hợp đồng TM)

#### ❖ Tính bắt buộc trả tiền

- Phải trả theo đúng nội dung ghi trên HP, không được viện lý do riêng để từ chối việc trả tiền
- Trong trường hợp có vi phạm hợp đồng thì cũng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ trả tiền

#### ❖ Tính lưu thông

- Tính chất này có được là do tính trừu tượng và tính bắt buộc trả tiền tạo nên
- Có thể dùng trong: TT tiền hàng, chuyển nhượng, cầm cố,...




### 3.1.2. Cơ sở pháp lý

❖ Công ước GENEVA 1930 – 1931 về Thương phiếu và SÉC (Geneva Convention of 1930 – 1931), gồm 2 luật chủ yếu:

- + Uniform Law for Bills of Exchange (ULB)
- + Uniform Law for Cheque (ULC)

### ❖ *Luật mang tính chất quốc gia:*

- Luật HP của Anh 1882 BEA (Bill of Exchange Acts) -> áp dụng cho nước Anh và các nước thuộc địa Anh.
- Luật thương mại thống nhất của Mỹ 1962 UCC (Uniform Commercial Code) áp dụng trong phạm vi nước Mỹ và các nước châu Mỹ La tinh..
- Luật các công cụ chuyển nhượng: Quốc hội Khóa XI, kỳ họp thứ 8 (từ ngày 18 tháng 11 đến ngày 29 tháng 11 năm 2005) có hiệu lực từ 1 tháng 7 năm 2006



❖ **Luật mạng tính chất khu vực:** Công ước Gionevo 1930 ULB (Uniform Law for Bill of Exchange)

❖ **Luật mạng tính chất quốc tế:** Luật hối phiếu và kỳ phiếu quốc tế do uỷ ban Luật Thương mại quốc tế của LHQ. Kỳ họp thứ 15 New York, ngày 26/07 đến 6/08/1982, tài liệu số A/CN 9/211 ngày 18/02/1982.



### 3.1.3. Các đối tượng tham gia

 <p><b>Drawer</b></p>	<p>Lập và ký phát hối phiếu (là chủ nợ)</p>
 <p><b>Drawee</b></p>	<p>Chịu trách nhiệm thanh toán số tiền trên HP (con nợ)</p>
 <p><b>Acceptor</b></p>	<p>Là người bị ký phát sau khi ký chấp nhận HP (chịu trách nhiệm thanh toán HP khi đến hạn)</p>

Người ký phát

Người bị ký phát


Người chấp nhận



 <p><b>Beneficiary</b></p>	<p>Sở hữu hợp pháp HP (được nhận thanh toán số tiền trên HP)</p>
<p>Người thụ hưởng</p>  <p><b>Endorser</b> Or <b>Assignor</b></p>	<p>Người chuyển nhượng HP (trao tay hoặc ký hậu)</p>
<p>Người chuyển nhượng</p>  <p><b>Avaliseur</b></p>	<p>Người bảo lãnh HP (ký tên vào HP mà không phải người ký phát hay người bị ký phát)</p>
<p>Người bảo lãnh</p>	

## ☐ Những nội dung bắt buộc của hối phiếu

- **Hình thức:** thể hiện dưới dạng văn bản. Hình mẫu do các pháp nhân và cá nhân tự quyết định
- **Ngôn ngữ:** sử dụng một thứ tiếng nhất định và thống nhất
- **Số lượng bản:** lập thành một hay nhiều bản (thường là hai bản) và đánh số thứ tự
  - Bản thứ nhất ghi: *second of the same tenor and date being unpaid*
  - Bản thứ hai ghi: *first of the same tenor and date being unpaid*



**Mẫu hỏi phiếu chuẩn (theo ULB 1930)**

**BILL OF EXCHANGE 1**

No.: .....

For : ....., ..... 7

At... 4 .....sight of this first Bill of exchange (**second of the same tenor and date being unpaid**) Pay to ..... 6 .....the sum of..... 2

To:..... 3 ..... (Name and address of Drawer)  
.....(Signature) .....

Place of Payment:..... 5 ..... 8


**BILL of EXCHANGE**

No: 12/24 HK HONGKONG, 15 May, 2011  
For: USD 40,872.45

At \_\_\_\_\_ sight of this **FIRST** of Exchange (**SECOND** of the same tenor and date being unpaid) pay to the order of **BANQUE NATIONALE DE PARIS, HONGKONG BRANCH** the sum of **United States Dollar Forty Thousand Eight Hundred and Seventy Two Cents Forty five Only**

To: **VIETINBANK** HONGKONG HATEX CO. Ltd.  
**HOCHIMINH CITY BRANCH** (Authorized signature)





**1. Phải có chữ “HỒI PHIẾU” ghi trên mặt trước chứng từ**

- Tiếng Anh: Bill of Exchange, Draft
- Tiếng Việt: Hối phiếu, Hối phiếu đòi nợ

**2. Lệnh thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán vô điều kiện một số tiền nhất định**

- Vô điều kiện (...pay to.....)
  - **Người Ký phát:** không được kèm theo bất kỳ điều kiện hay lý do nào, đơn thuần chỉ là lệnh yêu cầu thanh toán/ chấp nhận.
  - **Người bị ký phát:**
    - 1) thanh toán/ chấp nhận;
    - 2) không thanh toán/ chấp nhận.


**Không kèm theo bất kỳ lý do gì**



- Cách ghi số tiền: bằng chữ và bằng số (theo ULB 1930)
  - Nếu không khớp nhau: số tiền bằng chữ là số tiền thanh toán
  - Ghi bằng chữ hay bằng số nhiều lần và không khớp nhau: số tiền nhỏ hơn sẽ là số tiền thanh toán

**Ví dụ: Số tiền của hối phiếu là 46,560 USD**

- ❖ Số tiền bằng số: \$ 46,560
- ❖ Số tiền bằng chữ:
  - US Dollars forty six thousand five hundred and sixty
  - Forty six thousand five hundred and sixty US Dollars only



### 3. Tên và địa chỉ của người bị ký phát:

- Nhằm xác định được ai (ở đâu) là người chịu trách nhiệm thanh toán/chấp nhận hối phiếu
- Phụ thuộc vào phương thức thanh toán
  - Phương thức nhờ thu, ghi sổ, chuyển tiền: Là người nhập khẩu hàng hóa
  - Phương thức L/C: Là ngân hàng mở L/C

**Ví dụ:** Công ty ABC Corp. địa chỉ XX Lê Duẩn, TP. Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk mua hàng từ một đối tác ở Nhật Bản.

Phương thức nhờ thu, ghi sổ,...	Phương thức L/C
To: ABC corp. XX Le Duan Street, Buon Ma Thuot city, Dak Lak province, Viet Nam	To: Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam, Dak Lak Branch

(mở L/C tại Vietcombank Đắk Lắk)


## BILL of EXCHANGE

No: 12/24 HK HONGKONG, 15 May. 2011  
 For: USD 40,872.45

At XXXXXX sight of this **FIRST** of Exchange (*SECOND of the same tenor and date being unpaid*) pay to the order of **BANQUE NATIONALE DE PARIS, HONGKONG BRANCH** the sum of **United States Dollar Forty Thousand Eight Hundred and Seventy Two Cents Forty five Only**

Value received as per our Invoice(s) No **EX-1425/HC** dated **15 May. 2011**

To: **XXXX...Company** **HONGKONG HATEX CO. Ltd.**  
(Authorized signature)



#### 4. Thời hạn thanh toán của hối phiếu

- Thanh toán ngay: thanh toán khi **nhìn thấy** hoặc **xuất trình** hối phiếu
- Thanh toán có kỳ hạn:
  - TH1: Thanh toán vào một ngày nhất định **sau khi nhìn thấy**
  - TH2: Thanh toán tại **một ngày nhất định sau ngày ký phát**
  - TH3: Thanh toán tại **một ngày nhất định sau ngày ký vận đơn**
  - TH4: Thanh toán vào **một ngày cụ thể trong tương lai**

**Lưu ý:** Nếu không qui định thời hạn thì được xem là thanh toán ngay

**BILL of EXCHANGE**

No: 24-07/2005 HOCHIMINH CITY, 05 July 2011  
 For: USD 159,542.00

At      sight of this **SECOND** of Exchange (**FIRST** of the same tenor and date being unpaid) pay to the order of **BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM – HOCHIMINH CITY BRANCH** the sum of United States Dollar One Hundred and fifty Nine Thousand Five Hundred and forty two Only

Value received as per our Invoice(s) No 59/F3/SW/2005 dated 05 July 2011  
 Drawn under: **UFJ BANK LTD. THE NAGOYA, JAPAN**  
 confirmed / irrevocable / without recourse L/C No LC561-74413  
 dated / wired 15 June 2011

To: (the confirming bank) **TAMEX CORPORATION**  
**UFJ BANK LTD.** (Authorized signature)  
**NEW YORK CITY, U.S.A.**

**Mẫu 2:****BILL of EXCHANGE****No: 024/GS****TAPEI, TAIWAN, 14 Aug. 2011****For: USD 16,641.45**

**At 9 months from B/L date** sight of this **SECOND** of Exchange (**FIRST** of the same tenor and date being unpaid) pay to the order of **THE FARMERS BANK OF TAIWAN** the sum of, says **United States Dollar Sixteen Thousand Six Hundred and Forty One Cents Forty Five Only**

**To: TRILIMEX**  
**Hochiminh City, VN**

**CHIMEX CO. Ltd.**  
(Authorized signature)

VD Nếu một hối phiếu có ghi kỳ hạn là “ 360 ngày kể từ ngày B/L ”, ngày của B/L nào để tính ngày đáo hạn của hối phiếu

13.1- Ngày 20/03/2004 là ngày ký phát B/L “ on board ” ,

13.2- Ngày 15/03/2004 là ngày phát hành B/L “ Received for shipment ” ,

13.3- Ngày 15/03/2004 là ngày phát hành B/L “ Received for shipment ” và trên B/L đó có 3 ghi chú bốc hàng :

- 13.3.1- “ Clean shipped on board ” 21/03/2004 ;

- 13.3.2- “ Clean shipped on board ” 22/03/2004;

- 13.3.3.- “ Clean shipped on board ” 26/03/2004 .

**Mẫu 2:**

Ngày Signed

**BILL of EXCHANGE**

No: 024/GS TAPEI, TAIWAN, 14 Aug. 2011

For: USD 16,641.45

At \_\_\_\_\_, sight of this **SECOND** of Exchange (*FIRST* of the same tenor and date being unpaid) pay to the order of **THE FARMERS BANK OF TAIWAN** the sum of, says **United States Dollar Sixteen Thousand Six Hundred and Forty One Cents Forty Five Only**

To: **TRILIMEX**  
Hochiminh City, VN

**CHIMEX CO. Ltd.**  
(Authorized signature)

**VD:** Ngày đáo hạn hối phiếu “180 ngày sau ngày xuất trình” là ngày nào?

2.1- 180 ngày sau ngày xuất trình chứng từ tại ngân hàng trả tiền

2.2- 180 ngày sau ngày xuất trình chứng từ tại ngân hàng trả tiền nếu chứng từ phù hợp với L/C.

2.3- Trong trường hợp chứng từ có sai biệt, sau khi thương lượng, ngân hàng đồng ý thanh toán hối phiếu, ngày đáo hạn của hối phiếu là ngày sau ngày đồng ý thanh toán đó.

Parcels: 1/1 DOCUMENT	<b>DOX</b>	<b>DHL</b> EXPRESS
<b>FR :</b> PTT POLYMER MARKETING COMPANY LIMITED Account: 560318069 PTT POLYMER MARKETING COMPANY LIMITED ENERGY COMPLEX BUILDING A, 9TH FLOOR, 555/1 VIBHAVADI RANGSIT ROAD, CHATUCHAK BANGKOK, 10900, THAILAND		
<b>Ref :</b> <b>TO :</b> BAVICO JSC Code: BAVICO JSC 99/2 BINH DANG SEC., Attn: BINH HOA WARD, THUAN AN DIST., BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM		
<b>Description :</b> ONE SET OF NON-NEGOTIABLE DOCUMENTS PLUS 1/3 ORIGINAL BILL OF LADING ORIGINAL, INVOICE, ORIGINAL PAYMENT LIST		
<b>SGN</b> AIR WAYBILL: 1969866533 (Non-Negotiable) Bill to : <b>560318069</b>		
		
Insurance Value : 0.00 Customs Value : 0.00 USD	<div style="border: 1px solid red; border-radius: 50%; padding: 5px;">           Date : 29/05/2013            Weight : 0.5 Kgs.            Dim Mt : 0.5kgs.            Chg Mt : .....Kgs.         </div>	
<small>DHL standard terms and conditions apply. Usage restrictions apply. See back.</small>		




## 5. Địa điểm thanh toán: là nơi xuất trình hối phiếu yêu cầu thanh toán khi đến hạn

- Không ghi gì: địa chỉ của người bị ký phát được xem là địa điểm thanh toán hối phiếu
- Ghi địa điểm: Đây sẽ là địa điểm thanh toán HP


**Ví dụ:**

- Hai bên qui định địa điểm thanh toán tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk, địa chỉ 06 Trần Hưng Đạo, TP.BMT, Đắk Lắk  
**Place of payment:** Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam, Dak Lak Branch  
 06 Tran Hung Dao St., Buon Ma Thuot city, Dak Lak province, Viet Nam
- Nếu không ghi gì thì sẽ thanh toán tại:
  - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, CN Đắk Lắk (phương thức L/C)
  - Tại XX Lê Duẩn, TP.BMT, Đắk Lắk (Phương thức chuyển tiền, nhờ thu,...)



## 6. Tên của người thụ hưởng: là người thụ hưởng số tiền ghi trên HP, người thụ hưởng có thể là:

- Người ký phát: trường hợp không chỉ định người thụ hưởng khác hoặc không chuyển nhượng cho người khác.
- Một người khác
  - Chỉ định đích danh một người nào đó  
**Pay to: Mr X**
  - Thanh toán theo lệnh (theo ý chí của người ra lệnh)  
**Pay to the order of Mr X**
  - Thanh toán cho người cầm phiếu  
**Pay to....., pay to the bearer, pay to the order of.....**



## 7. Ngày tháng và nơi phát hành hối phiếu

- Trên hối phiếu không ghi rõ địa điểm phát hành: địa chỉ của người phát hành được xem là nơi phát hành hối phiếu.
- Nếu hối phiếu không ghi rõ ngày tháng phát hành: **bị xem là vô giá trị**

**Ngày tháng và nơi phát hành**

**Nơi phát hành** ⇒ Luật nào sẽ chi phối HP

**Ngày tháng phát hành**

1. Xác định thời hạn hiệu lực của HP
2. Xác định ngày thanh toán (PH thanh toán tại một ngày nhất định sau ngày ký phát)



## 8. Tên, địa chỉ, chữ ký của người ký phát

- Bắt buộc phải có, nếu không sẽ bị coi là vô hiệu
- Luật pháp các nước nghiêm cấm hành vi ký phát HP không đúng thẩm quyền và giả mạo chữ ký




### Ví dụ

*Ngày 08/09/2009 Công ty ABC (XX Nguyễn Tất Thành, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk) hoàn thành việc giao lô hàng xuất khẩu trị giá 48.285 USD theo hợp đồng trả ngay số 21/2009HDXK ký ngày 08/06/2009 cho nhà nhập khẩu là Pacific Co. có trụ sở tại 26 Greenfield Street, Bankstown, NSW 2200, Australia. Địa điểm giao hàng tại cảng Sài Gòn và thanh toán qua ngân hàng thương mại cổ phần Á châu. Một tháng sau khi giao hàng Công ty ABC lập hối phiếu để đòi tiền nhà nhập khẩu.*

*Hãy lập hối phiếu giúp công ty ABC*





**BILL OF EXCHANGE**


No : XXXX  
For : \$ 48,285

BUON MATHUOT CITY, October 8<sup>th</sup> 2009

At X sight of this first Bill of exchange (second of the same tenor and date being unpaid) Pay to the order of Asia Commercial bank the sum of FORTY EIGHT THOUSAND TWO HUNDRED EIGHTY FIVE US DOLLARS ONLY.

Drawn under Contract No. 21/2009HDXK dated June 8<sup>th</sup> 2009

To: Pacific Co. 26 Greenfield Street, Bankstown NSW 2200, Australia	ABC Co. XX Nguyen Tat Thanh Street, Buon Ma Thuot city, Dak Lak province, Viet Nam (Authorized signature)
---	--



**BILL OF EXCHANGE**

No : XXXX  
For : \$ 48,285

BUON MATHUOT CITY, October 8<sup>th</sup> 2009

At sight of this second Bill of exchange (first of the same tenor and date being unpaid) Pay to the order of Asia Commercial bank the sum of FORTY EIGHT THOUSAND TWO HUNDRED EIGHTY FIVE US DOLLARS ONLY.

Drawn under Contract No. 21/2010HDXK dated June 8<sup>th</sup> 2009

To: Pacific Co. 26 Greenfield Street, Bankstown NSW 2200, Australia	ABC Co. XX Nguyen Tat Thanh Street, Buon Ma Thuot city, Dak Lak province, Viet Nam (Authorized signature)
---	--

### 3.1.4. Các loại hối phiếu

#### a. Căn cứ vào thời hạn thanh toán



- **HP trả ngay** (*at sight bill, on demand bill*): Việc thanh toán diễn ra trong vòng 2 -3 ngày kể từ lúc được xuất trình
- **Hối phiếu có kỳ hạn** (*usance bill, time bill*): có 4 loại
  - ✓ X ngày tính từ ngày xuất trình
  - ✓ X ngày tính từ ngày HP được ký phát
  - ✓ X ngày tính từ ngày vận đơn
  - ✓ Ngày cụ thể (**October 8<sup>th</sup> 2014** Or 08/11/2014) trong tương lai



#### b. Căn cứ vào chứng từ kèm theo



- **HP trơn** (*Clean bill*): HP không kèm theo chứng từ TM
- **Hối phiếu kèm chứng từ** (*documentary bill*): có 2 loại:
  1. Hối phiếu kèm chứng từ trả tiền ngay – sight draft (D/P)
  2. Hối phiếu kèm chứng từ có chấp nhận – time draft (D/A)

#### c) Căn cứ vào người ký phát

- Hối phiếu thương mại (Trade bill): Do người xuất khẩu, người cho vay ký phát.
- Hối phiếu ngân hàng (Bank bill): Do ngân hàng phát hành




### d. Căn cứ vào tính chuyển nhượng

<input type="checkbox"/> Không ghi tên người hưởng lợi ở mặt trước Ví dụ: <i>pay to....., or pay to order of.....</i>	
<input type="checkbox"/> HP chuyển nhượng bằng cách để trống, ký hậu theo lệnh để trống Người thụ hưởng được xác định theo ý chí của người có quyền ra lệnh Ví dụ: <i>Pay to the order of Vietcombank</i>	
<input type="checkbox"/> Ghi cụ thể tên người thụ hưởng HP Ví dụ: <i>Pay to Mr X</i>	

**Bearer bill**  
 Hối phiếu vô danh


**Order bill**  
 HP CN theo lệnh

**Nominal bill**  
 Hối phiếu đích danh



### e. Căn cứ vào trạng thái ký chấp nhận

- Hối phiếu chưa được ký chấp nhận:** Người bị ký phát chưa bị ràng buộc trách nhiệm thanh toán.
- Hối phiếu đã được ký chấp nhận:** Người bị ký phát bị ràng buộc trách nhiệm phải thanh toán hối phiếu khi đến hạn
  - **Chấp phiếu thương mại:** Cam kết TT của thương nhân (ít được sử dụng trong giao dịch thương mại quốc tế)
  - **Chấp phiếu ngân hàng:** Cam kết TT của ngân hàng (được sử dụng phổ biến trong giao dịch thương mại quốc tế)



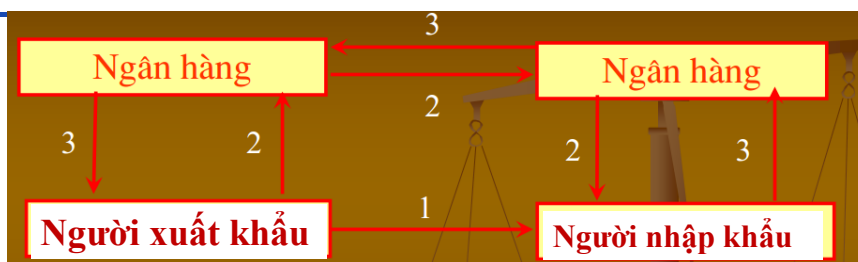
**f. Căn cứ vào loại tiền**

- Hối phiếu nội tệ:** Được thanh toán bằng đồng bản tệ
- Hối phiếu ngoại tệ:** Được thanh toán bằng đồng ngoại tệ

**g. Căn cứ vào cơ sở hình thành HP (HP thực, HP khống)**

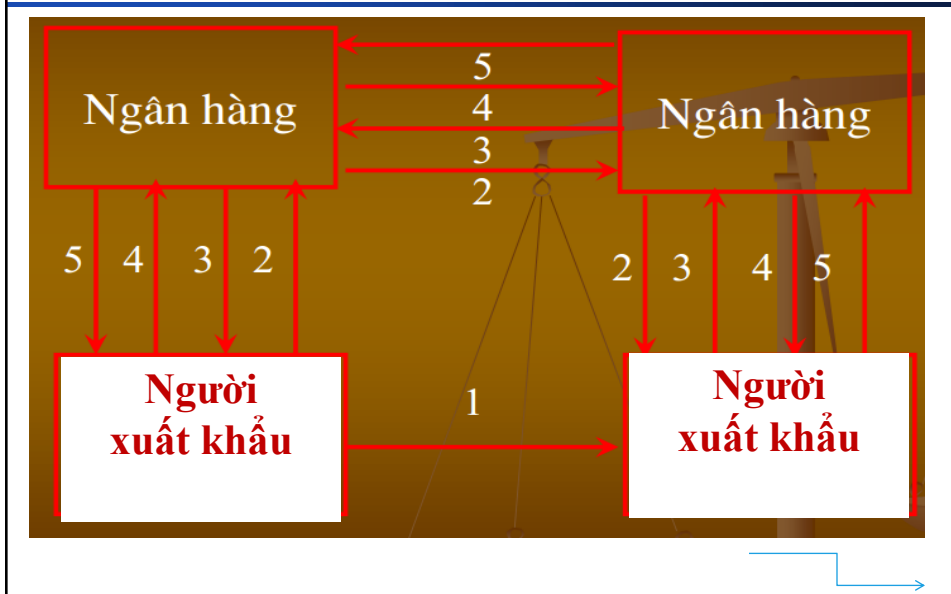
**h. Căn cứ vào không gian lưu thông (HP nội địa, HP quốc tế)**


### *3.1.5. Quy trình lưu thông của hối phiếu trả ngay*



- 1. Giao hàng hoá và bộ chứng từ**
- 2. Ký phát HP và uỷ thác cho ngân hàng thu tiền hộ**
- 3. Người mua trả tiền cho người bán khi nhìn thấy HP thông qua hệ thống ngân hàng**

## Quy trình lưu thông hối phiếu trả tiền sau



- 
1. Giao hàng và bộ chứng từ.
  2. Ký phát HP và thông qua hệ thống ng/hàng yêu cầu người mua ký chấp nhận trả tiền vào HP.
  3. Hoàn trả HP đã được chấp nhận cho người bán để người bán đòi tiền HP khi HP đến hạn.
  4. Đòi tiền từ HP đã được ký chấp nhận.
  5. Người mua trả tiền giống như trường hợp trên.

### 3.1.6. Các nghiệp vụ liên quan đến Hối phiếu

#### (1) Phát hành hối phiếu



#### Bộ chứng từ

- Các chứng từ Thương mại (chứng từ vận tải, chứng từ bảo hiểm, chứng từ bảo hiểm)
- Chứng từ tài chính (Hối phiếu, kỳ phiếu,....)

#### Lưu ý

##### 1. Người bị ký phát

- Phương thức L/C => là ngân hàng
- Phương thức nhờ thu, ghi sổ là => Người NK

##### 2. Phải đảm bảo HP tuân thủ chặt chẽ về hình thức và nội dung (8 nội dung bắt buộc)

##### 3. Người Ký phát không được miễn trừ nghĩa vụ thanh toán khi HP bị từ chối thanh toán

#### (2) Chấp nhận hối phiếu (acceptance)

*Là một thủ tục pháp lý nhằm xác nhận việc đồng ý (đảm bảo) thanh toán của người trả tiền hối phiếu.*

#### Sử dụng

Đối với HP có kỳ hạn (bắt buộc đối với loại X ngày kể từ ngày nhìn thấy HP)

#### Người ký chấp nhận HP

- Phương thức nhờ thu: Người nhập khẩu
- Phương thức L/C: Ngân hàng mở L/C

#### Hình thức chấp nhận

1. Ghi trực tiếp lên mặt trước chữ “chấp nhận” (Accepted, Acceptance) kèm chữ ký, ghi ngày tháng nếu cần  
**Ví dụ: Acceptance for USD 10,000 (ngày tháng, ký tên)**
2. Bằng văn thư, điện báo (ngày ký chấp nhận là ngày gửi văn thư, điện báo)

### (3) Ký hậu hồi phiếu (Endorsement)/ Chuyển nhượng hồi phiếu

*Là thủ tục pháp lý để chuyển nhượng hồi phiếu từ người hưởng lợi này sang người hưởng lợi khác.*

#### ❖ Ý nghĩa pháp lý

- Thừa nhận quyền hưởng lợi của người được chuyển nhượng.
- Xác định trách nhiệm của người ký hậu về việc trả tiền (nhằm đảm bảo quyền lợi cho người thụ hưởng kế tiếp)

#### □ Các hình thức chuyển nhượng



**Trao tay:** áp dụng đối với HP vô danh



**Ký hậu:** Áp dụng đối với HP đích danh

Là thủ tục chuyển giao quyền sở hữu HP từ người này sang người khác bằng cách ký vào mặt sau và chuyển giao HP cho người được chuyển nhượng

- Thừa nhận việc chuyển quyền hưởng lợi hồi phiếu cho người khác mà không đi kèm với bất kỳ điều kiện nào.
- Việc chuyển nhượng HP là sự chuyển nhượng tất cả các quyền lợi phát sinh từ HP
- Xác định trách nhiệm liên đới của người ký hậu đối với HP

#### Lưu ý

- Có thể ch/nhượng cho: Người chấp nhận, người ký phát, hay người khác
- Việc chuyển nhượng cho 2 người trở lên là vô giá trị
- Chuyển nhượng một phần giá trị HP là vô giá trị

## ❑ Các hình thức ký hậu

### ❖ Ký hậu để trống (*blank endorsement*)

- ❑ **Đặc điểm:** Không chỉ định rõ người hưởng lợi hối phiếu do thủ tục ký hậu mang lại
- ❑ **Cách thức:** (1) Chỉ ký tên ở mặt sau của HP hoặc (2) có ghi thêm cụm từ chung chung như: Pay to....

Pay to: any Bank, banker, trust company

For: Citibank Viet Nam

### ❖ Ký hậu theo lệnh (*To Order Endorsement*)

- ❑ **Đặc điểm:** người thụ hưởng phụ thuộc ý chí của người được quyền ra lệnh
- ❑ **Cách thức:** Pay to the order of (tên một người hay tổ chức cụ thể)

**Đây là hình thức thông dụng nhất**

Pay to the order of Mrs Chui Zo Chum

For: Citibank Viet Nam



### ❖ Ký hậu hạn chế (*Restrictive Endorsement*)

- ❑ **Đặc điểm:** chỉ đích danh người hưởng lợi hối phiếu và chỉ người này mà thôi
- ❑ **Cách thức:** Ghi Pay to (*tên tổ chức hay cá nhân*) only

Pay to Mr Omxenglaorabien only

For: Citibank Viet Nam

### ❖ Ký hậu miễn truy đòi (*Without Recourse Endorsement*)

- ❑ **Đặc điểm:** khi HP bị từ chối trả tiền thì người ký hậu hối phiếu được miễn truy đòi
- ❑ **Cách thức:** thêm câu Without Recourse vào một trong 3 loại ký hậu trên và ký tên

**Là loại ký hậu thông dụng trong TTQT**

Pay to Mr Quitsomang Congsoa

**WITHOUT RECOURSE**

For: Citibank Viet Nam

Kỹ thuật ký hậu có thể được áp dụng cho các chứng từ được chuyển nhượng khác như: **Vận đơn, chứng từ bảo hiểm, chứng từ bảo hiểm, séc,...**





#### (4) Bảo lãnh hối phiếu (aval)

Là việc một người thứ ba cam kết với người nhận bảo lãnh sẽ thanh toán toàn bộ hay một phần số tiền ghi trên hối phiếu nếu đến hạn thanh toán mà người được bảo lãnh không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ

##### Các hình thức bảo lãnh

1. Người bảo lãnh ghi trên bất kỳ chỗ nào trên HP cụm từ: **As aval hoặc Guarantee**, số tiền BL, tên, địa chỉ, tên của người được BL và ký tên
2. Bảo lãnh bằng văn thư riêng gọi là **bảo lãnh mật**

##### Lưu ý

1. Nếu người bảo lãnh không ghi tên người được bảo lãnh thì được coi là bảo lãnh cho người ký phát
2. Người bị ký phát hay người ký phát không được ký tên với tư cách là người bảo lãnh
3. Một bảo lãnh có giá trị thường là của một NH hay một tổ chức TD



#### (6) Cầm cố và nhờ thu hối phiếu

##### Cầm cố Hối phiếu

HP là một giấy tờ có giá nên có thể cầm cố tại các tổ chức tín dụng để vay vốn

##### Nhờ thu Hối phiếu

Người thụ hưởng chuyển giao HP cho người thu hộ để nhờ thu số tiền ghi trên HP kèm theo ủy quyền bằng văn bản về việc thu hộ

##### Lưu ý:

- Người thu hộ sẽ thay mặt người thụ hưởng thực hiện các công việc: xuất trình HP để thanh toán, nhận số tiền thanh toán HP, ngoài ra có thể chuyển giao hối phiếu cho người thu hộ khác để nhờ thu HP
- Nếu sai sót do người thu hộ gây ra dẫn đến HP không được thanh toán thì phải bồi thường thiệt hại cho người thụ hưởng
- Thu hộ HP thường là công việc của ngân hàng



### (7) Kháng nghị không trả tiền (Protest for non-payment)

Khi hối phiếu bị từ chối trả tiền, người hưởng lợi hối phiếu có quyền kháng nghị người trả tiền trước pháp luật

Cách thức thực hiện:

Bị từ chối trả tiền

↓


Lập kháng nghị

↓

TB cho những người chuyển nhượng trước đó

- Lập trong thời hạn 2 ngày kể từ ngày HP đến hạn TT
- Nội dung: ghi lại nguyên văn nội dung tờ HP, các nội dung về chấp nhận, ký hậu, bảo lãnh,... nếu có và lý do bị từ chối trả tiền
- Gửi đến tòa án kinh tế

- Nếu không gửi bản kháng nghị đến những người Chuyển nhượng trước đó thì những người này được miễn trách nhiệm trả tiền trừ người ký phát
- Thời gian để gửi bản kháng nghị: (4 ngày)




### ❖ Giải trái (Discharge)

Khi hối phiếu được người bị ký phát thanh toán đầy đủ và đúng hạn thì các nghĩa vụ liên quan đến hối phiếu sẽ tự động hết hiệu lực, tức được giải trái.

**Các trường hợp cũng được xem là giải trái:**

- Người chấp nhận là người cầm hối phiếu khi đến hạn
- HP hết hiệu lực pháp lý do quá thời hạn theo luật định
- Người cầm HP tuyên bố bằng VB từ bỏ quyền lợi về HP và tuyên bố hủy bỏ HP (không đòi tiền người ký phát nữa)
- Người bị ký phát thanh toán hối phiếu trước khi đến hạn




### ❖ Thuế đánh trên Hối phiếu

Ở một số nước hối phiếu được đưa vào lưu thông phải nộp thuế tùy theo số tiền của hối phiếu thông qua tem hối phiếu

**Mức thuế**

Quốc gia	Thuế
Áo	1,8%
Bỉ	0,2%
Đức	1,5%
Anh, Mỹ, Thụy Sĩ	0




## 3.2. KỶ PHIẾU

### 3.2.1. Khái niệm

*Kỳ phiếu là một cam kết trả tiền vô điều kiện do người lập ký phiếu hứa trả một số tiền nhất định cho người khác, hoặc trả theo lệnh của người này hoặc trả cho người cầm phiếu*


Ở Việt Nam, kỳ phiếu còn được gọi là **HP nhận nợ**  
Luật điều chỉnh: **ULB 1930**

P R O M I S S O R Y N O T E



### 3.2.2. Các đối tượng tham gia

- Người ký phát kỳ phiếu: là con nợ (là một hay nhiều người ký phát để cam kết trả tiền cho một hay nhiều người thụ hưởng)
- Người thụ hưởng: là chủ nợ
- Ngân hàng



### Nội dung của kỳ phiếu

**PROMISSORY NOTE** 1

No:..... 6

For :.....

At..... 3.....sight of this Promissory note, we promise to  
pay to..... 5  
the sum of..... 2.....

Place of payment:..... 4..... (Name and address of Issuer)  
.....(Signature)..... 7  
.....



## nội dung bắt buộc của kỳ phiếu

1. Tiêu đề “Kỳ phiếu”
2. Lời hứa vô điều kiện trả một số tiền nhất định
3. Thời hạn trả tiền
4. Địa điểm trả tiền
5. Người thụ hưởng
6. Ngày và nơi ký phát hành
7. Chữ ký của người ký phát



### PROMISSORY NOTE

No:095576/PN


For : USD 100,000.00

*New York, 20<sup>th</sup> December 2009*

On the 20<sup>th</sup> December 2009 fixed of this Promissory note, we promise to pay to the order of HOANGLONG EXPORT – IMPORT COMPANY IN HA NOI, VIET NAM  
The sum of ONE HUNDRED THOUSAND UNITED STATE DOLLARS ONLY.


Place of payment:  
Citibank New York

For and on behalf of Sister and  
Brother Company Ltd.  
129 New Street, New York, USA  
(signature)



### Khác biệt cơ bản giữa Hối phiếu và Kỳ phiếu


Chỉ tiêu	Hối phiếu	Kỳ phiếu
Đảm bảo thanh toán	Chủ nợ, con nợ	Con nợ
Cơ sở ký phát	Tài sản có	Tài sản nợ
Đối tượng lập	Chủ nợ	Con nợ

 Kỳ phiếu ít được sử dụng trong TTQT so với Hối phiếu

### Phân biệt Hối phiếu và Lệnh phiếu

Hối phiếu	Kỳ phiếu
Mệnh lệnh đòi tiền	Cam kết trả tiền
Do một người (chủ nợ) ký phát	Do một người/hay nhiều người (con nợ) ký phát để cam kết trả tiền
Thường là 2 bản	Một bản duy nhất

### 3.2.3. Quy trình lưu thông kỳ phiếu



## 3.3. SÉC

C H E Q U E , C H E C K

#### 3.3.1. Khái niệm

*Séc là một tờ mệnh lệnh vô điều kiện do một người (chủ tài khoản), ra lệnh cho ngân hàng trích từ tài khoản của mình một số tiền nhất định để trả cho người được chỉ định trên séc, hoặc trả theo lệnh của người này, hoặc trả cho người cầm séc dưới hình thức tiền mặt hay chuyển khoản*

<b>Hình thức</b>	Là văn bản giấy, gồm 2 phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phần cuống séc: người phát hành lưu giữ</li> <li>– Phần tách rời: trao cho người thụ hưởng</li> </ul>
------------------	---

**Mẫu séc của BIDV**

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM  
BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM  
AA 000000

Số tiền/Amount: \_\_\_\_\_

Trả cho/Pay to: \_\_\_\_\_

Ngày DD / tháng MM / năm TT  
Người ký phát/Drawer: \_\_\_\_\_

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM  
BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM  
SÉC  
CHEQUE AA 000000

Thanh toán tại các điểm giao dịch của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam/Payable at any BIDV transaction counter

Ngày ký phát/Date of issue: DD - MM - YY

Yêu cầu trả cho/Pay to the order of: \_\_\_\_\_

Số tài khoản/Payee's account No.: \_\_\_\_\_

Tại ngân hàng/Payee's bank: \_\_\_\_\_

Số tiền bằng chữ/Amount in words: \_\_\_\_\_

Người ký phát/Drawer: \_\_\_\_\_

Số tài khoản/Drawer's account No.: \_\_\_\_\_

Kế toán trưởng  
Chief Accountant

Người ký phát (ký tên, đóng dấu)  
Drawer (signature, stamp)

Chỉ trả vào tài khoản  
Account payee only  
Không được chuyển nhượng  
Non-negotiable

Số tiền bằng số/Amount in figures, currency code

BAO CHỨ/Certified  
Ngày (DDMMYY): / /  
Ký tên, đóng dấu/Signature, stamp

**FIRST BANK OF WIKI**

SHEFFIELD CITY CENTRE BRANCH

DATE 01-02-03

DATE 22/01/2006

PAY Wikimedia Foundation

One Hundred Pounds Only

ACCOUNT PAYEE

£ 100-00

MR. JOHN JONES

John Jones

First Bank of Wiki Plc  
010104

Cheque No. Branch Sort Code Account No.

000243 01010203 01234567



Not to exceed € 6,200.00

**AIB** Bank

**International Cheque (1)**

Issuing Branch: **06/03/2005 (2)**

Date: **06/03/2005 (2)**

Pay to the order of: **JOSE PIRUL ERO (6)**

The sum of: **SIX THOUSAND TWO HUNDRED (6)**

**EUR 6,200.00 (5)**

Amount of euros in words: **EURO ONLY (6)**

Pay at your buying rate for exchange on Paris

**For Allied Irish Banks, plc**

To CREDIT COMMERCIAL DE FRANCE  
103, Avenue Champs Elysees, 75008 Paris  
Tel: +0707040. Comp. Paris

Countersigned: *[Signature]* NO. 2974

Authorised Signature: *[Signature]* NO. 1164

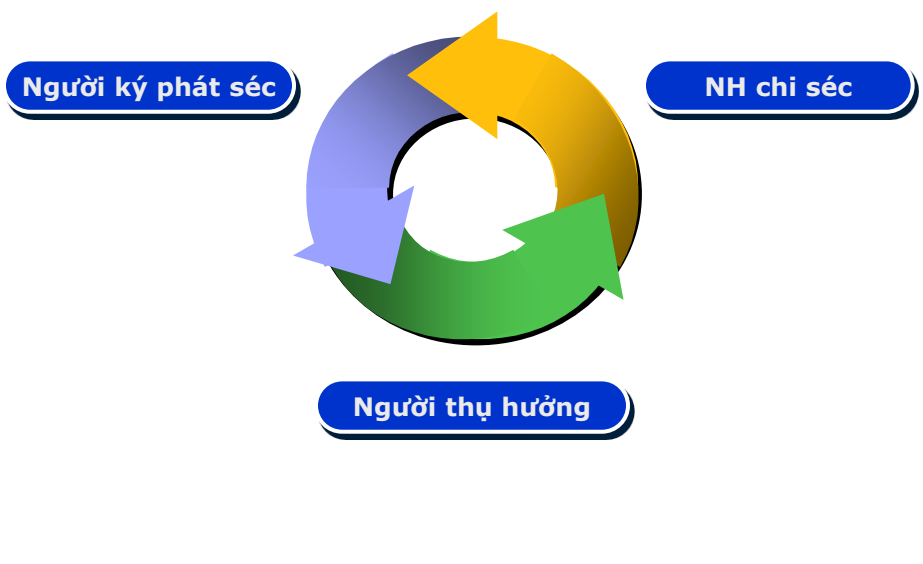
**(3)** 0293 10 4 00200125693 3 00020340197

### 3.3.2. Cơ sở pháp lý

#### ❖ Sự hình thành và phát

- ULC 1931 (Uniform Law of Check, Công ước GENEVA 1931)
- VN 1/7/2006.

### 3.3.3. Những người liên quan đến séc



### Nội dung của tờ séc


Theo công ước về séc quốc tế (ULC 1931), nội dung của tờ séc bao gồm:

#### 1. Tiêu đề “Séc”

- Một chứng từ được coi là Séc phải có tiêu đề “Séc”
  - Tiếng Việt: Séc
  - Tiếng Anh: Cheque hoặc Check
- Tiêu đề phải có cùng thứ ngôn ngữ với nội dung tờ Séc

#### 2. Ngày tháng và nơi phát hành Séc: Nhằm xác định thời hạn hiệu lực của tờ Séc

- Phạm vi quốc gia: 8 ngày
- Phạm vi châu lục: 20 ngày
- Khác châu lục: 70 ngày




### 3. Ngân hàng trả tiền

- Ngân hàng có nhiệm vụ thực hiện việc trả tiền cho người hưởng lợi. Đây là “đặc quyền” của ngân hàng
- Giúp người hưởng lợi biết được nơi cần xuất trình Séc

### 4. Tên, địa chỉ, số hiệu tài khoản và chữ ký của người phát hành séc: xác định người ký phát

- Tên, địa chỉ, số TK: được NH in sẵn trong mẫu Séc
- Chữ ký:
  - (1) thực hiện bằng tay,
  - (2) Giống với mẫu chữ ký đã đăng ký tại NH



### 5. Số tiền ghi trên tờ Séc: Xác định giá trị của tờ Séc

- Số tiền được ghi bằng chữ và bằng số
- Nếu có sự khác nhau:
  - Số tiền bằng chữ  $\neq$  bằng số: Số tiền bằng chữ là số tiền TT
  - Ghi bằng chữ nhiều lần hoặc bằng số nhiều lần nhưng không khớp nhau: số tiền nhỏ nhất là số tiền TT
- Séc không: để trống mục số tiền

### 6. Người hưởng lợi tờ Séc: Xác định ai là người hưởng lợi số tiền ghi trên tờ Séc

- Được người phát hành chỉ định
- Người nhận chuyển nhượng thông qua thủ tục ký hậu

### 3.3.4 Phân loại Séc

#### a. Căn cứ vào tính chất chuyển nhượng

- ❑ **Séc đích danh:** Ghi đích danh tên người hưởng lợi và chỉ có người này mới nhận được tiền. Loại này không thể chuyển nhượng
- ❑ **Séc theo lệnh:** Không ghi đích danh người hưởng lợi mà ghi "pay to the order of Mr X". Chuyển nhượng bằng cách ký hậu
- ❑ **Séc vô danh:** Không ghi tên người hưởng lợi hoặc ghi câu "pay to the bearer". Chuyển nhượng bằng cách trao tay

Tính chuyển nhượng  
tăng dần



#### b. Căn cứ vào hình thức tờ Séc


- ❑ **Séc gạch chéo**

Dùng để thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng


- ❑ **Séc không gạch chéo**

Dùng để thanh toán tiền mặt







### c. Căn cứ vào công dụng của Séc

- ❑ **Séc chuyển khoản:** thanh toán bằng chuyển khoản cho người hưởng lợi
- ❑ **Séc rút tiền mặt:** Người hưởng lợi có thể rút tiền mặt tại NH phục vụ chủ tài khoản
- ❑ **Séc du lịch:** do NH phát hành và có thể rút tiền tại bất kỳ chi nhánh, đại lý của NH đó

**Séc du lịch**

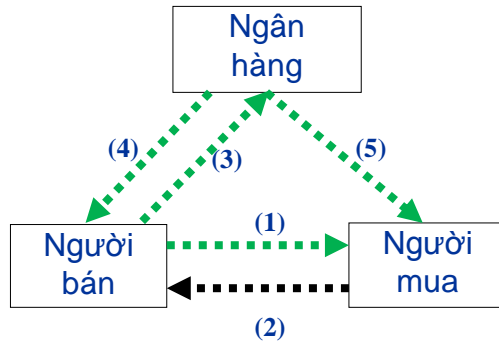



- ❑ **Séc xác nhận (certified cheque)** còn gọi là séc bảo chi, là loại séc được ngân hàng đứng ra xác nhận việc trả tiền.

Mục đích của việc xác nhận là nhằm đảm bảo khả năng chi trả của tờ séc và ngăn chặn tình trạng phát hành séc quá số dư trên tài khoản.

### 3.3.5. Quy trình lưu thông của SÉC

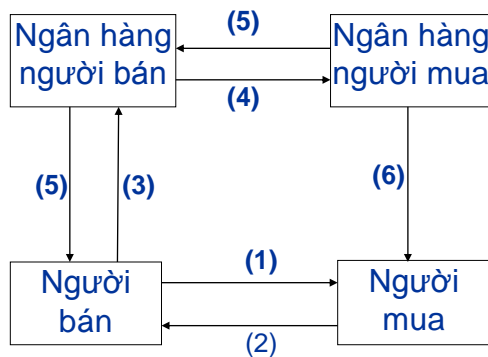
#### ❖ Séc lưu thông qua một NH:



#### Trong đó:

- (1) Giao hàng và bộ chứng từ.
- (2) Phát hành séc thanh toán.
- (3) Đến NH lĩnh tiền séc.
- (4) Gửi báo có cho người bán.
- (5) Gửi báo nợ cho người mua.

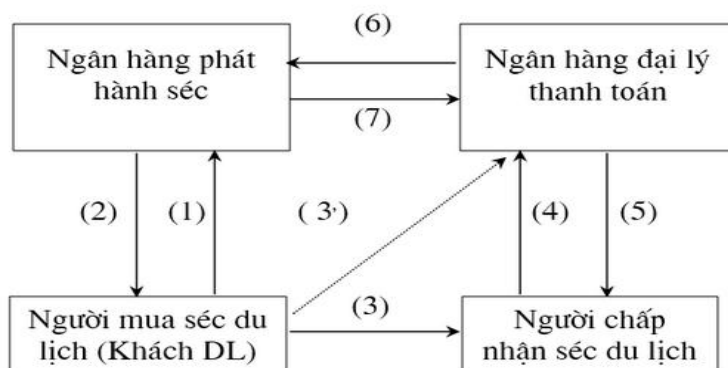
#### ❖ Séc lưu thông qua hai NH:



#### Trong đó:

- (1) Giao hàng và bộ chứng từ.
- (2) Phát hành séc thanh toán.
- (3) Nhờ ngân hàng thu hộ séc.
- (4) Thu tiền.
- (5) Gửi báo có cho người bán.
- (6) Gửi báo nợ cho người mua.

## Lưu thông đối với SÉC du lịch



- (1). Khách hàng có nhu cầu sử dụng séc du lịch đến ngân hàng để xin mua séc
- (2). Ngân hàng phát hành (Bán) séc cho khách hàng.
- (3)(3\*). Khách du lịch mang séc đến ngân hàng đại lý để xin rút tiền hoặc đi mua hàng
- (4). Người chấp nhận séc du lịch chuyển tờ séc đến ngân hàng xin thanh toán séc
- (5). Ngân hàng thanh toán chấp nhận thanh toán séc cho khách hàng
- (6). Ngân hàng thanh toán gửi séc đến ngân hàng phát hành xin thanh toán
- (7). Ngân hàng phát hành trả tiền cho ngân hàng thanh toán

### 3.3.6. Các nghiệp vụ liên quan đến SÉC

---

## 3.4. THẺ THANH TOÁN

---



### 3.4.1. Khái niệm

*“Thẻ thanh toán là một công cụ tín dụng do tổ chức tài chính phát hành và cấp cho khách hàng (gọi là chủ thẻ), trong đó dành quyền cho khách hàng có thể dùng nó nhiều lần để rút tiền mặt cho chính mình hoặc ra lệnh rút một số hoặc tất cả số tiền hiện có trên tài khoản mở ở tổ chức phát hành thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ cho các đơn vị chấp nhận thẻ (người cung ứng dịch vụ, hàng hóa)”.*





## Lịch sử

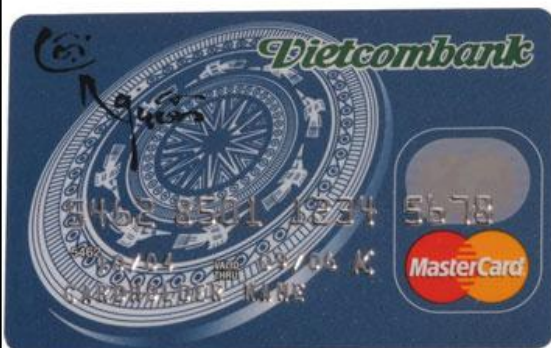
- Tại Mỹ, xuất hiện vào năm 1914, phổ biến vào năm 1920
- Tại châu Âu, xuất hiện vào năm 1965, phổ biến vào năm 1971
- Tại Việt Nam, xuất hiện năm 1989, hiện nay rất phổ biến



## ❖ Mô tả kỹ thuật

Chất liệu: Nhựa cứng

Kích thước: 86mm×54mm×0,76mm



### Mặt trước:

- Tên của thẻ
- Tên và logo của nhà phát hành
- Số thẻ
- Ngày bắt đầu có hiệu lực và ngày hết hạn hiệu lực của thẻ
- Tên của chủ thẻ

**(Các thông tin ở mặt trước hầu hết được in nổi trên thẻ)**




**❖ Mặt sau:**

- Băng trắng:** là nơi chủ thẻ dùng để ký chữ ký mẫu
- Băng đen:** là **băng từ tính chứa đựng bộ nhớ của thẻ**, trong bộ nhớ của thẻ chứa đựng một phần hay toàn bộ các thông tin sau:
  - Số của thẻ
  - Tên của chủ thẻ
  - Thời gian hiệu lực và thời gian hết hiệu lực của thẻ
  - Lý lịch của ngân hàng phát hành
  - Mã số cá nhân (PIN)
  - Mức rút tiền tối đa cho phép và số dư của thẻ



**Thẻ thông minh (smart card) dùng chip điện tử thay cho băng từ**



### 3.4.2. Các loại thẻ thông dụng

**Thẻ ATM**  
 Giao dịch tại các máy rút tiền tự động (ATM) và các dịch vụ: xem số dư tài khoản, chuyển khoản, rút tiền, in sao kê, xem các thông tin quảng cáo,...



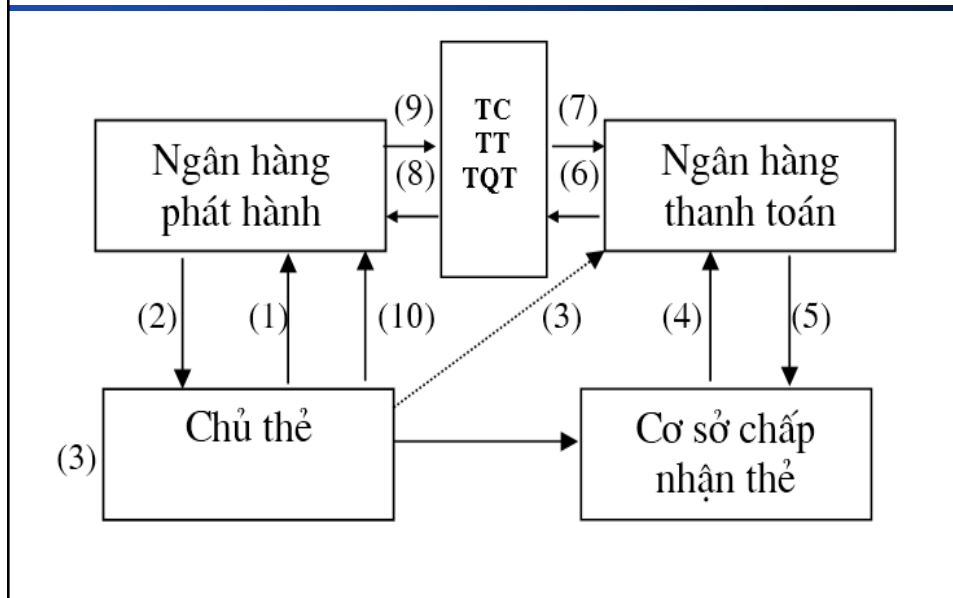
**Thẻ ghi nợ**  
 Khi chủ thẻ sử dụng dịch vụ này thì ngay lập tức ngân hàng sẽ thu tiền của chủ thẻ bằng cách ghi Nợ vào tài khoản tiền gửi thanh toán của chủ thẻ (giảm số dư tiền gửi của chủ thẻ)



**Thẻ tín dụng (Credit Card)**  
 cho phép chủ thẻ được nợ ngân hàng phát hành thẻ một số tiền nhất định và không được vượt quá số tiền ghi trên thẻ để thanh toán hàng hóa, dịch vụ hay rút tiền mặt



### 3.4.3. Quy trình phát hành và thanh toán thẻ



(1) Khách hàng có nhu cầu sử dụng thẻ đến ngân hàng làm thủ tục xin mua thẻ

(2) Ngân hàng chấp nhận phát hành thẻ cho khách hàng

(3)(3') Chủ thẻ dùng thẻ đi mua hàng hay rút tiền tại ngân hàng

(4) Cơ sở chấp nhận thẻ chuyển hoá đơn thanh toán thẻ (nếu được trang bị máy và tay hoặc gửi dữ liệu (nếu được trang bị máy EDC- Electronic Data Capture) đến ngân hàng xin thanh toán

(5) Ngân hàng chấp nhận thanh toán cho cơ sở tiếp nhận thẻ

(6) Ngân hàng thanh toán gửi dữ liệu thanh toán thẻ đến tổ chức thẻ quốc tế (TCTQT - trực tiếp là trung tâm xử lý dữ liệu của TCTQT) để đòi tiền

(7) TCTQT xử lý dữ liệu, ghi có cho tài khoản tiền gửi của ngân hàng thanh toán và đồng thời ghi nợ NHPH

(8) TCTQT báo nợ NHPH số giao dịch tương ứng


(9) NHPT nhận dữ liệu và gửi sao kê dữ liệu chi tiêu thẻ cho chủ thẻ

(10) Chủ thẻ thanh toán cho ngân hàng phát hành

## 3.5. GIẤY CHUYỂN TIỀN


### 3.5.1. Khái niệm

### 3.5.2. Các loại giấy chuyển tiền

		<b>GIẤY CHUYỂN TIỀN NHANH ( Money Transfer Order )</b>	
		Liên 1 ( Copy 1 ): Ngân hàng giữ ( For internal use )	
Ngày ( Date ):		Số bút toán ( Transaction No. ) <input type="text"/>	
NGƯỜI CHUYỂN ( Remitter )		NGƯỜI NHẬN ( Receiver )	
Họ và tên ( Full name )	<input type="text"/>		
CMND ( ID, Passport No )	<input type="text"/>		
Địa chỉ ( Address )	<input type="text"/>		
Số điện thoại ( Phone No )	<input type="text"/>		
Số tiền ( Amount )	Tài khoản số ( Account No. )	<input type="text"/>	
Bằng chữ ( In words )	Tại ngân hàng ( Bank Name )	<input type="text"/>	
Nội dung chuyển tiền ( Details )	<input type="text"/>		
Phí chuyển tiền ( Fee )	Ngày chuyển ( date ):	Giờ chuyển ( Time ):	<input type="text"/>
Khách hàng đã kiểm tra, xác nhận các thông tin trên chứng từ này là đầy đủ, chính xác và kí tên dưới đây. <i>We hereby checked, signed and confirmed that the information in this document is complete and accurate.</i>			
Người nộp tiền ( Customer )	Thủ quỹ ( Cashier )	Kế Toán ( Accountant )	Kiểm soát ( Supervisor )
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

GP-BANK Commitment to Excellence		GIẤY CHUYỂN TIỀN NHANH ( <i>Money Transfer Order</i> )	
Ngày ( <i>Date</i> ):		Liên 2 ( <i>Copy 2</i> ) : Khách hàng giữ ( <i>For customer</i> )	
NGƯỜI CHUYỂN ( <i>Remitter</i> )		Số bút toán ( <i>Transaction No.</i> )	
NGƯỜI NHẬN ( <i>Receiver</i> )			
Họ và tên ( <i>Full name</i> )			
CMND ( <i>ID, Passport No.</i> )			
Địa chỉ ( <i>Address</i> )			
Số điện thoại ( <i>Phone No.</i> )			
Số tiền ( <i>Amount</i> )		Tài khoản số ( <i>Account No.</i> )	
Bằng chữ ( <i>In words</i> )		Tại ngân hàng ( <i>Bank Name</i> )	
Nội dung chuyển tiền ( <i>Details</i> )			
Phi chuyển tiền ( <i>Fee</i> )	Ngày chuyển ( <i>date</i> ):	Giờ chuyển ( <i>Time</i> ):	
<p><i>Khách hàng đã kiểm tra, xác nhận các thông tin trên chứng từ này là đầy đủ, chính xác và kí tên dưới đây.</i>  <i>I/We hereby checked, signed and confirmed that the information in this document is complete and accurate.</i></p>			
Người nộp tiền ( <i>Customer</i> )	Thủ quỹ ( <i>Cashier</i> )	Kế Toán ( <i>Accountant</i> )	Kiểm soát ( <i>Supervisor</i> )

GP-BANK Commitment to Excellence		ỦY NHIỆM CHI - <i>Payment Order</i>	
Ngày ( <i>Date</i> ):		Liên 1: Ngân hàng giữ ( <i>For internal use</i> )	
ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN ( <i>please debit account</i> )		VÀ GHI CÓ TÀI KHOẢN ( <i>And credit A/C</i> )	
Tài khoản số ( <i>Account number</i> )			
Tên tài khoản ( <i>Account name</i> )			
Tại ngân hàng ( <i>Bank name</i> )			
Số tiền bằng số ( <i>Amount in figures</i> )	VND	Phi trong ( <i>Including fee</i> ) <input type="checkbox"/>	
Số tiền bằng chữ ( <i>Amount in words</i> )		Phi ngoài ( <i>Excluding fee</i> ) <input type="checkbox"/>	
Nội dung ( <i>Details</i> )	Tiền phí ( <i>fee</i> )		
<p><i>Khách hàng đã kiểm tra, xác nhận các thông tin trên chứng từ này là đầy đủ, chính xác và kí tên dưới đây.</i>  <i>I/We hereby checked, signed and confirmed that the information in this document is complete and accurate.</i></p>			
Kế toán trưởng ( <i>Chief accountant</i> )		Chủ tài khoản ký & đóng dấu ( <i>Account holder sign &amp; seal</i> )	
Dành cho GP.Bank ( <i>For GP.Bank use only</i> )		Ngày ( <i>date</i> )	
Số bút toán		Giao dịch viên ( <i>Teller</i> )	Kiểm soát viên ( <i>Supervisor</i> )
Tài khoản ghi nợ			
Tài khoản ghi có			

 <b>GP.BANK</b> <small>Commitment to Excellence</small>		<b>ỦY NHIỆM CHI - Payment Order</b>	
Ngày (Date):		Liên 2 (copy): Khách hàng giữ/ For customer	
ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN (please debit account)		VÀ GHI CÓ TÀI KHOẢN (And credit A/C)	
Tài khoản số (Account number)			
Tên tài khoản (Account name)			
Tại ngân hàng (Bank name)			
Số tiền bằng số (Amount in figures)	VND	Phi trong (Including fee) <input type="checkbox"/>	
Số tiền bằng chữ (Amount in words)			Phi ngoài (Excluding fee) <input type="checkbox"/>
Nội dung (Details)	Tiền phi (fee)		
<p><i>Khách hàng đã kiểm tra, xác nhận các thông tin trên chứng từ này là đầy đủ, chính xác và kí tên dưới đây.            I/We hereby checked, signed and confirmed that the information in this document is complete and accurate.</i></p>			
Kế toán trưởng (Chief accountant)		Chủ tài khoản ký & đóng dấu (Account holder sign & seal)	
<b>Dành cho GP.Bank (For GP.Bank use only)</b>	Ngày (date)	Giao dịch viên (Teller)	Kiểm soát viên (Supervisor)
Số bút toán			
Tài khoản ghi nợ			
Tài khoản ghi có			

## TÓM LẠI

- 1) Khái niệm Hối phiếu, séc, lệnh phiếu, thẻ thanh toán?
- 2) Các bên liên quan trong một HP, Séc, Lệnh phiếu?
- 3) Sự khác nhau giữa HP và lệnh phiếu?
- 4) Các nghiệp vụ liên quan đến việc lưu thông một HP?